

Bản án số: 12/2021/HS-PT
Ngày 08 tháng 01 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 621/2020/TLPT-HS ngày 28 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Phạm Thanh T; bị cáo Phạm Trọng Qu và bị cáo Phạm Quốc D.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 414/2020/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 831/2020/QĐXXPT-HS ngày 02 tháng 12 năm 2020.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Thanh T; Tên gọi khác: Ng; Sinh năm: 1982, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 10/31/4 Thoại Ngọc H, phường Hòa Th, quận Tân Ph, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Sửa xe; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị Nh; Có vợ Lê Thị L, sinh năm: 1992 và 02 người con, lớn nhất sinh năm: 2015, nhỏ nhất sinh năm: 2018; Tiền sự: Không; Tiền án; Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Phạm Trọng Qu; Sinh năm: 1985, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 139 đường Ấp Chiến L, khu phố B, phường Bình Hưng H A, quận Bình T, TP. Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: không rõ tên và bà Phạm Thị H; Có vợ Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1989 (đã ly

hôn) và 03 người con, lớn nhất sinh năm: 2009, nhỏ nhất sinh năm: 2016; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt)

3. Phạm Quốc D1; Sinh năm: 1995, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 141/5 đường Kênh Nước Đ, Khu phố B, phường Bình Hưng H A, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Con ông Phạm Đức H và bà Nguyễn Hà Tường Tr; Vợ con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Những người tham gia tố tụng khác:

Bị cáo không có kháng cáo:

1. Phạm Văn H; sinh năm: 1980, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 29/5A Tân Th, phường Hòa Th, quận Tân Ph, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Văn S và bà: Nguyễn Thị Nh; Có vợ Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1983 và 01 con, sinh năm: 2017; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày: 04/3/2019.

2. Phạm Tuấn D; Tên gọi khác: Dũng Ch; Sinh năm: 1983, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 139 đường Ấp Chiến L, khu phố B, phường Bình Hưng H A, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 30 đường Lô T, khu phố HH, phường Bình Hưng H A, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Con ông: Phạm Đức A và bà Khổng Thị H; Có vợ: Trương Thị Tr, sinh năm 1995 và 03 người con, lớn nhất sinh năm: 2006, nhỏ nhất sinh năm: 2016; Tiền sự: Không;

Nhân thân:

Ngày 26/02/2014, Tòa án nhân dân quận Bình T xử 18 tháng tù giam về tội “Tổ chức đánh bạc”, theo bản án số 54/2014/HSST, đến ngày 14/02/2015 chấp hành án xong.

Ngày 19/11/2018 bị Tòa án nhân dân quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, bản án số 205/2018/HSST. Ngày 21/5/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm, y án 01 năm tù, bản án số 231/2019/HS-PT, ngày 20/01/2020 chấp hành án xong.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày: 13/7/2020.

3. Phạm Văn Tr; Sinh năm: 1987, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 10/31/4 Thoại Ngọc H, phường Hòa Th, quận Tân Ph, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Sửa xe; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị Nh; Có vợ Trần Thị Kim Ng, sinh năm: 1992 và 01 người con, sinh năm: 2013; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo tại ngoại.

Bị hại:

Ông Lê Đức L (đã chết)

Đại diện hợp pháp của bị hại Lê Đức L:

Bà Trần Thị Kim Y; sinh năm: 1965; Thường trú: Thôn Thanh B, xã Bù Nh, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở: 100/24G, đường T15, phường An Phú Đ, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, là mẹ của bị hại (vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh T:

1/ Luật sư Vũ Quốc T – Công ty Luật TNHH MTV Thiên Quý thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

2/ Luật sư Nguyễn Hồ D – Công ty Luật TNHH MTV Thiên Quý thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Trọng Qu:

Luật sư Lê Nguyễn Quỳnh Th – Văn phòng Luật sư Quỳnh Thi thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Địa chỉ: Tầng 8 – Tòa nhà SCETPA – số 19A Cộng H, phường Y, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Quốc D:

Luật sư Nguyễn Thị Thùy L – Công ty Luật TNHH Sài Gòn 24H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Trong vụ án các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 22/02/2019, Phạm Thanh T cùng T1 trọc (không rõ lai lịch) hùn tiền làm cái đánh bạc với Phạm Tuấn D, Chu Văn Đ và một số thanh niên (không rõ lai lịch) tại bãi đất trống kế nhà số 17/22/4 đường số H, khu phố HH, phường Bình Hưng H A, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đang đánh bạc T thắng và nói không đánh nữa, còn D bị thua, nên D không đồng ý cho T nghỉ dẫn đến mâu thuẫn cự cãi và đánh nhau. Sau khi được can ngăn, Đ đi về nhà.

Đến khoảng 16 giờ 30 cùng ngày, T gọi điện thoại cho Phạm Văn H (anh ruột của T) nói về việc T bị Phạm Tuấn D cầm dao đâm sượt vào vai và Chu Văn Đ dùng tay đánh nên T kêu Ho đến cứu. Lúc này, H đang ở nhà số 29/5A Tân Th, phường Hòa Th, quận Tân Ph, Thành phố Hồ Chí Minh, nghe vậy liền gọi điện thoại cho Phạm Văn Tr (là em của H và là anh của T) cùng đi với Hoàng đến chỗ T để xem sự việc thế nào. Sau đó, H điều khiển xe gắn máy hiệu Vario biển số 59D1-175.75 đến nhà số 10/31/4 đường Tân Th, phường Hòa Th, quận Tân Ph gặp Tr và Tr điều khiển xe của H chở H đến chỗ T. Khi đến bãi đất trống kế nhà số 17/22/4 đường số H, khu phố HH, phường Bình Hưng H A,

quận Bình T, H nhìn thấy nhóm thanh niên khoảng 04 đến 05 người đang ngồi trong quán nước của chị Lê Thị D, H xuống xe đi vào trong quán nước để tìm T, còn Tr đứng ngoài cách quán khoảng 4-5 mét trông xe.

Đối với Phạm Tuấn D thấy Phạm Thanh T gọi điện thoại, thì D cũng gọi điện thoại nói cho Phạm Trọng Qu biết D gặp chuyện và kêu Qu qua nhà D đi cùng với D. Quyền trên đường đến nhà D gặp Phạm Quốc D1 (em bà con Qu), nên Qu nói với D1 việc D đang gặp chuyện ở bãi đất trống, rồi Qu một mình chạy đến nhà D. Khi đến nhà D, Qu gọi điện thoại cho Lê Đức L (là bạn quen ngoài xã hội) và nói L đến bãi đất trống hỗ trợ. Sau đó D điều khiển xe gắn máy chở Qu đến bãi đất trống, thì thấy D1 đang ngồi trên xe gắn máy hiệu Sirius biển số 92M1-084.22, Lê Đức L, Phạm Văn Tr, Phạm Thanh T cùng một số thanh niên khoảng 04-05 người (không rõ lai lịch) đang đứng trước bãi đất trống. Tại đây D và Tr cự cãi nhau về sự việc T bị D đánh trước đó, D vừa nói vừa dùng tay chỉ trỏ, Tr dùng tay gạt mạnh nên trúng vào mặt D dẫn đến nhóm T và nhóm của D xô xát đánh nhau và nhặt cây, gạch đá ném nhau. Trong lúc đánh nhau, Qu bị đâm 01 nhát trúng ngực trái nhưng Qu không xác định được ai là người đâm.

Lúc này, Phạm Văn H đến nhìn thấy phía gần ngoài đường nhựa (cách đó khoảng hơn 10 mét) có khoảng 10 người thanh niên, trong đó có Phạm Tuấn D, Phạm Trọng Qu, Phạm Quốc D, Lê Đức L, Phạm Văn Tr, Phạm Thanh T và một số người khác (không rõ lai lịch) cầm gạch, đá, cây đánh nhau và đang chạy về phía H. H nhìn thấy T đang bị đuổi đánh nên chạy ra cứu T, thì bị Lê Đức L cầm cây đánh, H liền chạy ngược lại vào quán nước của chị D lấy một con dao Thái Lan dài khoảng 20cm (cán dao bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài khoảng 12cm, bản dao rộng khoảng 2,5cm, mũi nhọn) trong rổ đựng ly để trên xe nước, cầm trên tay phải. H đi ra thì Lê Đức L đến đứng đối diện H cầm cây đánh từ trên xuống về phía H, H dùng tay trái đỡ cây gỗ, tay phải cầm dao đâm 01 nhát trúng ngực L.

Lúc này bên xưởng gỗ phía đối diện, Tr cùng T cầm gạch đá ném nhau với Phạm Quốc D1. Thấy vậy H cầm dao chạy băng qua đường nhựa đối diện với bãi đất trống. D1 đang cầm ghế gỗ đánh nhau với T và Tr nhìn thấy H cầm dao chạy đến, nên D1 bỏ chạy và bị trượt chân té ngã làm rơi ghế gỗ. H dùng tay và chân đánh, còn Tr nhặt ghế gỗ đánh vào người D1. Sau đó, H vứt bỏ dao tại khu vực thu mua phế liệu gần đó (không thu hồi được dao), Tr lấy xe chở H và T chạy về nhà.

Lê Đức L được người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Chợ R, đến 18 giờ 20 phút ngày 22/02/2019 thì tử vong. Phạm Trọng Qu bị thương ở ngực được Phạm Tuấn D đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Trưng V, đến ngày 05/3/2019 thì xuất viện. Riêng Phạm Quốc D1 được đưa đến phòng khám Việt Ph bằng bó vết thương rồi về.

Đến khoảng 20 giờ ngày 22/02/2019, Phạm Văn H biết tin Lê Đức L đã chết, nên đến Công an quận Bình T đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, bị can Phạm Văn H khai nhận hành vi đã dùng dao Thái Lan đâm Lê Đức L và dùng tay chân đánh Phạm Quốc D1. Phạm Thanh T, Phạm Văn Tr, Phạm Tuấn D, Phạm Quốc D1, Phạm Trọng Qu khai nhận hành vi gây rối trật tự công cộng.

* Tại bản Kết luận giám định số 400-19/KLGĐ-PY ngày 12/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận giám định pháp y tử thi Lê Đức L như sau: “Lê Đức L chết do sốc mất máu cấp do vết thương đâm thủng phổi phải, thủng tĩnh mạch chủ trên. Máu thuộc nhóm máu B.”

* Tại bản Kết luận giám định bổ sung số 1619/KLGĐ-PY ngày 28/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận về cơ chế hình thành vết thương của nạn nhân Lê Đức L: Với con dao Thái Lan (dài khoảng hơn 20cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài khoảng 10-12cm, bản rộng khoảng 2-2,5cm, mũi nhọn) thì có thể gây ra được vết thủng da ở liên sườn 2 bên phải cách đường giữa ngực 1cm, bờ mép sắc gọn, kích thước 3,5 x 1 cm, vết thương thấu ngực, gây thủng phổi phải, thủng tĩnh mạch chủ trên, có chiều hướng từ trước ra sau, phải qua trái, từ dưới lên trên, chiều sâu 8cm.

* Về yêu cầu bồi thường dân sự:

- Bà Trần Thị Kim Y (mẹ ruột của Lê Đức L) là người đại diện quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần 200.000.000 đồng (không yêu cầu bồi thường chi phí mai táng).

- Gia đình Phạm Văn H đã bồi thường số tiền 266.000.000 đồng và gia bà Yến có đơn xin bãi nại không yêu cầu xử lý hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho Hoàng.

- Phạm Trọng Qu và Phạm Quốc D có đơn từ chối giám định thương tích, không yêu cầu xử lý hình sự những người gây thương tích và không yêu cầu bồi thường dân sự.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô hiệu Vario biển số 59D2-175.75, số khung MH1KS1119 GK558765, số máy: KS11E-1565375, qua điều tra xác minh thể hiện xe do bị cáo Hoàng đứng tên sở hữu. Xét thấy chiếc xe trên không phải là công cụ phương tiện trực tiếp dùng vào việc phạm tội và là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Hoàng, nên trả lại cho bị cáo Phạm Văn H.

- 10 dấu vết máu; 03 đoạn cây tre dài; 01 ghế gỗ bị gãy 01 chân; 01 chìa khóa; 02 khúc gỗ; 01 sợi dây nylon; 01 đôi dép màu trắng xám; 01 áo khoác màu đen có in chữ Adidas; 01 áo thun ngắn tay màu đen xám; 01 quần thun ngắn tay màu đen xám; 01 áo thun màu xám ngắn tay hiệu ORI-FIT trước ngực có chữ NIKE; 01 quần sọt màu xanh hiệu MINOMAXX; 01 áo sơ mi ngắn tay sọc đen vàng nâu hiệu PappapRich; 01 đôi dép màu xanh hiệu Kappa..

- 01 USB màu trắng; 01 USB màu đen lưu giữ đoạn Video ghi lại diễn biến sự việc.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của bị cáo Phạm Tuấn D; 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của bị cáo H; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 thu giữ của bị cáo Tr. Các bị cáo khai là điện thoại của các bị cáo sử dụng hàng ngày, có dùng vào việc liên lạc rủ nhau đi đánh nhau, là phương tiện dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Một (01) xe máy hiệu Sirius biển số 92M1-084.22, số khung RLCS5C6K0-DY062684, số máy 5C6K-062667 do ông Đào Minh Tr (cư trú: ấp Trung A, xã Tiên H, huyện Tiên Ph, tỉnh Quảng Nam) đứng tên đăng ký và đã bán cho tiệm cầm đồ ở Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ) vào năm 2016. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã đăng báo truy tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả.

- Một (01) xe máy hiệu Dream biển số 52K4-1674, số khung C100MN-0016858, số máy C100MNE-0016858 do ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1965, cư trú: 275/14D Đặng Nguyên C, phường MB, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên đăng ký và năm 2001 đã bán cho người đàn ông mua bán xe cũ (không rõ lai lịch). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã đăng báo truy tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 414/2020/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Về hình phạt:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 318; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 318; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Trọng Qu 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 318; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Quốc D1 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Phạm Văn H, Phạm Tuấn D và Phạm Văn Tr; quyết định về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 21/9/2020, bị cáo Phạm Quốc D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 23/9/2020, bị cáo Phạm Trọng Qu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 30/9/2020, bị cáo Phạm Thanh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bị cáo Phạm Thanh T trình bày đang bị bệnh, gửi đơn thuốc, có bản chính, bị cáo trình bày thêm những nội dung, công lao của bị cáo sau khi thực hiện hành vi phạm tội có đóng góp thêm đối với chính quyền địa phương, ngoài ra những bị cáo khác không có chứng cứ nào khác. Xét thấy các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”. Trật tự công cộng ở địa phương là cái chính quyền địa phương các cấp, các ngành nỗ lực quan tâm muốn bảo vệ bình yên cho người dân, bị cáo là một trong những người làm gây rối trật tự địa phương bị cáo cần phải được trình trị một cách đích đáng để đảm bảo được theo nguyện vọng của nhân dân và nguyện vọng của Nhà nước. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt các bị cáo 09 tháng tù là hoàn toàn có căn cứ, đúng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, đúng với quan điểm của Đảng về việc giữ gìn trật tự ở địa phương. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Tâm có trình bày những lý do đó không đó không đủ xem xét có thể chuyển cho bị cáo áp dụng hình phạt án treo. Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải áp dụng hình phạt tù để xử phạt bị cáo. Điều kiện bị cáo trình bày tại phiên tòa hôm nay chưa đúng quy định Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của 03 bị cáo. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên đối với 03 bị cáo, không cho các bị cáo hưởng án treo như vậy mới đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và có như thế mới đảm bảo trật tự xã hội được đảm bảo tốt hơn.

Luật sư Vũ Quốc T trình bày: Không tranh luận về phần tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chính sách khoan hồng của pháp luật, cân nhắc áp dụng điều 01, điều 02 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để cho bị cáo Tâm cơ hội sửa chữa lỗi lầm, gia đình bị cáo T đã khắc phục thiệt hại cho gia đình bị hại, bị cáo T ăn năn hối cải, tại chính quyền địa phương cũng có xác nhận bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, địa chỉ xác nhận, bị cáo có nơi làm việc ổn định, bị cáo T là lao động chính trong gia đình, bản thân bị nhiều thứ bệnh, có từ thiện chăm lo hộ nghèo, người neo đơn, xin xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo T có cơ hội sửa chữa.

Bị cáo Phạm Thanh T: Bị cáo không có muốn xảy ra sự việc đáng tiếc, bị cáo làm ăn đàng hoàng, bị cáo còn 02 con nhỏ, vợ bị cáo không đi làm, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bản thân có nhiều bệnh, sau khi gây ra hành vi phạm tội bị cáo có tham gia công tác từ thiện và có giấy khen của chính quyền địa phương. Xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư Lê Nguyễn Quỳnh Th trình bày: Bị cáo không có tình tiết nào mới, tình tiết này nằm trong vụ án nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, khi đến bãi đất trống trước quán cà phê, bị cáo thấy hai bên xô xát thì bị cáo cũng xông vào để can ngăn nhưng bị cáo vừa vào bị cáo bị đối phương đâm trúng ngực, bị cáo không nhận diện được phía đối phương nên không đề nghị Cơ quan điều tra giám định vết thương. Bị cáo đã được bị cáo D đưa đi nhập viện vào ngày 22/02/2019 và bị cáo được xuất viện ngày 05/3/2019, hồ sơ nhập viện đã được ghi trong bút lục nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tình tiết này để khoan hồng giảm nhẹ cho bị cáo. Với vết thương tràn dịch màng phổi, vết thương thấu ngực trái do bị đâm là vết thương rất nặng chứ không nhẹ nhưng vì bị cáo không xác định được đối tượng đâm nên bị cáo không đề nghị giám định thương tật bởi vì bị cáo biết rằng không được bồi thường trong vụ việc này. Bị cáo chấp nhận việc Viện kiểm sát truy tố và Tòa án xét xử bị cáo tội “Gây rối trật tự công cộng”. Trong vụ án này thống nhất với hệ lụy mà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu ra các bị cáo đã gây rối trật tự ở địa phương. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, Viện kiểm sát cũng đề nghị bị cáo Qu từ 09-12 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt án giam mà không nhận định việc bị cáo bị vết đâm ảnh hưởng đến sức khỏe. Trong đơn kháng cáo bị cáo có nộp bản chính giấy xuất viện cho Hội đồng xét xử, bị cáo Qu có hoàn cảnh khó khăn có địa phương xác nhận, bị cáo phải nuôi 02 con nhỏ do vợ bị cáo bỏ đi, hoàn cảnh neo đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để áp dụng cho bị cáo Điều 65 để bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Phạm Trọng Qu trình bày: Khi được rủ thì bị cáo cũng đi tới. Khi thấy đánh nhau thì bị cáo xông vào có ý can ngăn nhưng bị đâm trúng ngực. Khi Cơ quan điều tra yêu cầu bị cáo đi giám định thương tật nhưng bị cáo từ chối giám định thương tật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng từ chối giám định thương tật vì thấy rằng sức khỏe không ảnh hưởng bởi vết đâm. Bị cáo không biết ai là người đâm bị cáo và cũng xác định bị cáo Phạm Thanh T không phải là người đâm bị cáo. Bị cáo thống nhất việc Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo tội “Gây rối trật tự công cộng”. Bị cáo xin được hưởng án treo để nuôi mẹ già và 02 con bị cáo còn nhỏ vì bị cáo đã ly hôn với vợ, vợ đã bỏ đi nơi khác.

Luật sư Nguyễn Thị Thùy L trình bày: Thống nhất về tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Phạm Quốc D1. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo D1 có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này chưa có hành vi bị xử phạt nào, bị cáo D1 có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo D1 không thuộc các trường hợp không được hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo D1 được hưởng án treo.

Bị cáo Phạm Quốc D1 trình bày: Bị cáo D1 thống nhất với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Bị cáo D1 là công nhân công ty may giày dép, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, nên xin được hưởng án treo để lo cho cha mẹ già và con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên, của Luật sư của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử, các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Thanh T, Phạm Trọng Qu và Phạm Quốc D1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Từ đó đủ cơ sở để xác định: Do mâu thuẫn với Phạm Tuấn D trong lúc đánh bạc nên vào lúc khoảng 16 giờ 30 ngày 22/02/2019, Phạm Thanh T gọi điện thoại cho Phạm Văn H (anh ruột của T) kêu H đến giải cứu. H gọi Phạm Văn Tr (là em của H và là anh của T) cùng đi với H. Sau đó Tr điều khiển xe gắn máy chở H đến chỗ T tại bãi đất trống kế nhà số 17/22/4 đường số H, khu phố HH, phường Bình Hưng H A, quận Bình T. Khi tới nơi H nhìn thấy nhóm thanh niên khoảng 04 đến 05 người đang ngồi trong quán nước của chị Lê Thị D, H xuống xe đi vào trong quán nước để tìm T, còn Tr đứng ngoài cách quán khoảng 04 đến 05 mét trông xe.

Đối với nhóm của Phạm Tuấn D, khi thấy Phạm Thanh T gọi điện thoại, thì Dũng cũng gọi điện thoại nói cho Phạm Trọng Qu biết D gặp chuyện và kêu Qu đi cùng với D. Trên đường đi Qu gặp Phạm Quốc D1, nên Qu nói với D1 sự việc D đang gặp chuyện, rồi Qu một mình chạy đến nhà. Khi đến nhà D, Qu gọi điện thoại cho Lê Đức L và nói Long đến chỗ Dũng để hỗ trợ. Sau đó, Dũng điều khiển xe gắn máy chở Qu đến bãi đất trống kế nhà số 17/22/4 đường số H, khu phố HH, phường Bình Hưng H A, thì thấy có D1 đang ngồi trên xe gắn máy, Lê Đức L, Phạm Văn Tr, Phạm Thanh T cùng một số thanh niên khoảng 04 đến 05 người (không rõ lai lịch) đang đứng trước bãi đất trống.

Khi hai nhóm gặp nhau thì D và Tr cự cãi việc T bị D đánh trước đó, dẫn đến nhóm T và nhóm của D xô xát đánh nhau và nhặt cây, gạch đá ném vào nhau. Trong lúc đánh nhau, Qu bị đâm 01 nhát trúng ngực trái nhưng Qu không xác định được ai là người đâm.

Lúc này, Phạm Văn H nhìn thấy phía gần ngoài đường nhựa (cách khoảng hơn 10 mét) có khoảng 10 người thanh niên, trong đó có Phạm Tuấn D, Phạm Trọng Qu, Phạm Quốc D, Lê Đức L, Phạm Văn Tr, Phạm Thanh T và một số người khác (không rõ lai lịch) cầm gạch, đá, cây đánh nhau và đang chạy về phía H. H nhìn thấy T đang bị đuổi đánh nên chạy ra cứu T, thì bị Lê Đức L cầm cây đánh, H liền chạy vào quán nước ngay bên đường của chị D lấy một con dao Thái Lan dài khoảng 20cm trong rổ đựng ly để trên xe nước, cầm trên tay phải đi ra thì Lê Đức L đến đứng đối diện H cầm cây đánh từ trên xuống về phía H, H dùng tay trái đỡ cây gỗ, tay phải cầm dao đâm 01 nhát trúng ngực L rồi cầm

dao chạy băng qua đường nhựa đối diện với bãi đất trống, nơi D1 đang cầm ghế gỗ đánh nhau với T và Tr. Nhìn thấy H cầm dao chạy đến, nên D1 bỏ chạy và bị trượt chân té ngã làm rơi ghế gỗ. H dùng tay và chân đánh, còn Tr nhặt ghế gỗ đánh vào người D. Sau đó, H vứt bỏ dao, Tr lấy xe chở H và T chạy về nhà.

Lê Đức L được người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Chợ R, đến 18 giờ 20 phút ngày 22/02/2019 thì tử vong. Phạm Trọng Qu và Phạm Quốc D1 bị thương được Phạm Tuấn D đưa đi cấp. Đến khoảng 20 giờ ngày 22/02/2019, Phạm Văn H biết tin Lê Đức L đã chết, nên đến Công an quận Bình T đầu thú.

[2.2] Tại bản Kết luận giám định pháp y của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “Lê Đức L chết do sốc mất máu cấp do vết thương đâm thủng phổi phải, thủng tĩnh mạch chủ trên. Máu thuộc nhóm máu B.” Với con dao Thái Lan (dài khoảng hơn 20cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài khoảng 10-12cm, bản rộng khoảng 2-2,5cm, mũi nhọn) thì có thể gây ra được vết thủng da ở liên sườn 2 bên phải cách đường giữa ngực 1cm, bờ mép sắc gọn, kích thước 3,5 x 1 cm, vết thương thấu ngực, gây thủng phổi phải, thủng tĩnh mạch chủ trên.

[2.3] Xét thấy xuất phát từ mâu thuẫn trong lúc đánh bài ăn tiền, Phạm Thanh T đã rủ Phạm Văn H và Phạm Văn Tr còn Phạm Tuấn D đã rủ Phạm Trọng Qu, Phạm Quốc D1 cùng một số đối tượng không rõ lai lịch đến khu vực bãi đất trống kế nhà số 17/22/4 đường số H, khu phố HH, phường Bình Hưng H A, quận Bình T để nói chuyện, dàn xếp mâu thuẫn. Sau đó giữa hai nhóm đã xảy ra ẩu đả, đánh nhau. Các bị cáo của mỗi nhóm đã dùng dao Thái lan, gạch, đá, cây gậy tre, gỗ lao vào đánh nhau, sự việc diễn ra từ bãi đất trống, sau đó kéo ra khu vực đường trước nhà số 17/22/4 và quán nước, là nơi tập trung nhiều nhà dân và đông người qua lại, gây náo loạn khu vực xảy ra vụ án.

Trong lúc hai bên ẩu đả, do bị Lê Đức L cầm cây đánh nên bị cáo Phạm Văn H đã dùng tay trái đỡ đồng thời tay phải cầm dao Thái Lan (lấy trong quán nước gần đó) đâm trúng vùng ngực làm bị hại Lê Đức L bị thương phải đưa đi cấp cứu sau đó chết tại bệnh viện.

Các bị cáo Phạm Trọng Qu, Phạm Quốc D, Phạm Thanh T là những người thuộc hai nhóm khác nhau đã dùng nhiều loại hung khí nguy hiểm, đũa đánh nhau tại khu vực đường đi công cộng, có quán nước là nơi tập trung đông người qua lại, làm mất trật tự trị an nơi công cộng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Trọng Qu, Phạm Quốc D, Phạm Thanh T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Bản thân các bị cáo nhận thức được việc tụ tập đánh nhau nơi công cộng là vi phạm pháp luật, nhưng do ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện, nên cũng cần phải có mức án tương xứng để đảm bảo răn đe giáo dục đối với bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo kháng cáo:

[3.1] Đối với bị cáo Phạm Trọng Qu và bị cáo Phạm Quốc D: Tuy 02 bị cáo theo lời của D để tới hiện trường và có tham gia trong việc ẩu đả với nhóm

của T, nhưng bị cáo Qu và bị cáo D xông vào thì đều bị nhóm của T đánh gây thương tích. Qu và D có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu. Đặc biệt, hoàn cảnh gia đình các bị cáo rất khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Bị cáo Qu có con nhỏ phải nuôi con, vì vợ đã ly hôn bỏ đi nơi khác. 02 bị cáo này trước khi phạm tội đều là công dân tốt được nhiều người dân nơi cư trú xác nhận. Sau khi phạm tội đến nay ở địa phương 02 bị cáo đã chấp hành tốt pháp luật. 02 bị cáo có công việc làm ổn định, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo Qu và bị cáo D1 ra khỏi xã hội cũng đủ răn đe và giáo dục các bị cáo trở thành người tốt cho xã hội, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho bị cáo Qu và bị cáo D1 được hưởng án treo.

[3.2] Đối với bị cáo Phạm Thanh T: Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn ban đầu xảy ra giữa bị cáo với Phạm Tuấn D đã xong, nhưng bị cáo lại tiếp tục gọi điện thoại kêu anh ruột là Phạm Văn H tới, nên làm cho mâu thuẫn diễn ra ngày càng phức tạp hơn. Bị cáo cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét. Tuy nhiên, xét về nguyên nhân dẫn đến vụ việc và hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 09 tháng tù giam là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đưa ra đơn thuốc khám bệnh tại Bệnh viện Tâm thần có ghi tên bệnh nhân là bị cáo Phạm Thanh T. Bị cáo còn cung cấp thêm chứng cứ về công tác từ thiện của bị cáo. Tuy nhiên, chứng cứ mới này không đủ căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp thuận kháng cáo của bị cáo. Ngoài ra, bị cáo không đưa thêm chứng cứ mới nào để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.3] Đối với hình phạt của bị cáo Phạm Văn H: Trong lúc ẩu đả khi H thấy T bị L đuổi đánh thì đã lấy 01 cây dao Thái Lan nhằm chống trả lại L bảo vệ T. Căn cứ vào hành vi của H và hậu quả gây ra cái chết của L thì Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Phạm Văn H 4 năm 9 tháng tù là nhẹ. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm thì không có kháng cáo và kháng nghị tăng hình phạt. Căn cứ vào quy định về giới hạn Hội đồng xét xử phúc thẩm và không làm xấu đi tình trạng của bị cáo nên Hội đồng xét xử chỉ nêu tại bản án phúc thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[3.4] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Trọng Qu và bị cáo Phạm Quốc D; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thanh T; Sửa một phần Bản án sơ thẩm như đã nêu ở phần trên.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Quốc D và bị cáo Phạm Trọng Qu không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Phạm Thanh T phải chịu 200.000 đồng.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Trọng Qu và bị cáo Phạm Quốc D; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thanh T; Sửa một phần Bản án sơ thẩm đối với phần có kháng cáo.

2. Tuyên bố các bị cáo Phạm Thanh T, Phạm Trọng Qu, Phạm Quốc D phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Trọng Qu 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Phạm Trọng Qu cho Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng H A, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Quốc D 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Phạm Trọng Qu cho Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng H A, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

6. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên quy định tại Điều 64 Luật Thi hành án hình sự thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; nếu phạm tội mới trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật Hình sự.

7. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Quốc D và bị cáo Phạm Trọng Qu không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Phạm Thanh T phải chịu 200.000 đồng.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND TP Hồ Chí Minh; (1)
- Công an TP Hồ Chí Minh; (1)
- Sở Tư pháp TP Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh; (1)
- Trại tạm giam Công an TP Hồ Chí Minh (2)
- UBND phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình T, TP Hồ Chí Minh; (3)
- Bị cáo (3)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- NTTAM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh